TRƯỜNG CNTT VÀ TRUYỀN THÔNG
KHOA TRUYỀN THÔNG ĐA PHƯƠNG TIỆN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

KẾ HOẠCH HỌC TẬP KHÓA 51

Ngành: **Truyền thông đa phương tiện (Multimedia Communications)** Mã ngành: **7320104**
Hệ đào tạo: Chính quy Thời gian đào tạo: **4,5 năm** Danh hiệu: Kỹ sư

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	Học phần song hành	Ghi chú
Học kỳ 1 – Năm thứ 1										
1	QP010E	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)	2	2		37	8			*SV học theo thời khóa biểu của Trường*
2	QP011E	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)	2	2		22	8			
3	QP012	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)	2	2		24	21			
4	QP013	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)	2	2		4	56			
5	CT005	Nền tảng công nghệ số	4	4		30	60			
6	CT100	Kỹ năng học đại học	2	2		20	20			
Cộng			**14**	**14**	**0**					
Học kỳ 2 – Năm thứ 1										
1	ML007	Logic học đại cương	2		2	30				*SV tự chọn*
	XH028	Xã hội học đại cương	2			30				
	XH011	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2			30				
	XH012	Tiếng Việt thực hành	2			30				
	XH014	Văn bản và lưu trữ học đại cương	2			30				
	KN001E	Kỹ năng mềm	2			20	20			
	KN002E	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	2			20	20			
2	KL001E	Pháp luật đại cương	2	2		30				
3	CT044	Nguyên lý thiết kế đồ họa	2	2		20	20			
4	CT046	Kỹ thuật nhiếp ảnh	2	2		15	30			
5	CT084	Cơ sở kỹ thuật đồ họa	2	2		15	30			
6	XH023	Anh văn căn bản 1 (*)	4		4	60				*SV tự chọn*
	FL001	Pháp văn căn bản 1 (*)	4			60				
Cộng			**14**	**8**	**6**					
Học kỳ 3 – Năm thứ 1										
1	CT085	Nhập môn Truyền thông đa phương tiện	3	3		40	10			
2	CT083	Ngôn ngữ truyền thông	2	2		30				
3	KL100	Pháp luật và đạo đức báo chí truyền thông	2	2		30				
4	CT047	Kỹ thuật quay phim	2	2		15	30			
5	CT194	Biên tập Audio và Video	2	2		15	30			
6	XH024	Anh văn căn bản 2 (*)	3		3	45		XH023		*SV tự chọn*
	FL002	Pháp văn căn bản 2 (*)	3			45		FL001		
Cộng			**14**	**11**	**3**					

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	Học phần song hành	Ghi chú
Học kỳ 1 – Năm thứ 2										
1	CT045	Biên tập truyền thông	2	2		20	20			
2	CT509	Truyền thông trên Internet	3	3		30	30			
3	CT196	Dựng hình 2D/3D	3	3		30	30			
4	CT063	Tiền kỳ trong điện ảnh	3	3		30	30			
5	XH025	Anh văn căn bản 3 (*)	3		3	45		XH024		*SV tự chọn*
	FL003	Pháp văn căn bản 3 (*)	3			45		FL002		
Cộng			**14**	**11**	**3**					
Học kỳ 2 – Năm thứ 2										
1	CT048	Digital Marketing căn bản	3	3		30	30			
2	CT096	Tiếp thị nội dung	3	3		30	30			
3	CT495	Dựng phim hoạt hình	3	3		30	30			
4	CT061	Nền tảng Kỹ xảo điện ảnh	3	3		30	30			
Cộng			**12**	**12**	**0**					
Học kỳ 3 – Năm thứ 2										
1	ML014	Triết học Mác - Lênin	3	3		45				
2	CT086	Nhập môn Web Đa phương tiện	3	3		30	30			
3	CT093	Kỹ xảo điện ảnh	3	3		30	30			
4	CT095	Dự án phim hoạt hình 3D	3	3		30	30			
Cộng			**12**	**12**	**0**					
Học kỳ 1 – Năm thứ 3										
1	ML016	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2		30		ML014		
2	CT043	Nghệ thuật học đại cương	2	2		30				
3	CT062	Nhập môn Lập trình đa phương tiện	2	2		15	30			
4	CT049	Cơ sở dữ liệu trong Truyền thông đa phương tiện	3	3		30	30			
5	CT499	Thiết kế UI/UX	3	3		30	30			
Cộng			**12**	**12**	**0**					
Học kỳ 2 – Năm thứ 3										
1	ML018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2		30		ML016		
2	XH447	Quan hệ công chúng	2	2		30				
3	XH446	Tổ chức sự kiện	2	2		30				
4	CT094	Quy trình sáng tạo sản phẩm đa phương tiện	3	3		30	30			
5	CT523	Phát triển ứng dụng Web đa phương tiện	3		3	30	30			*SV tự chọn*
	CT524	Hệ thống quản trị nội dung	3			30	30			
Cộng			**12**	**9**	**3**					

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	Học phần song hành	Ghi chú
Học kỳ 3 – Năm thứ 3										
1	ML019	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2		30		ML018		
2	TC100	Giáo dục thể chất 1 (*)	1		1		30			
3	CT527	Thiết kế đồ họa ứng dụng quảng cáo thương hiệu	3	3		30	30			
4	CT496	Kịch bản truyền hình	3	3		30	30			
5	CT581	Thực hành sản xuất chương trình	2	2			60			
6	CT530	Chuyên đề báo chí Văn hóa	2		2	30				*SV tự chọn*
	CT531	Chuyên đề báo chí Sự kiện	2			30				
	CT532	Chuyên đề báo chí Du lịch	2			30				
Cộng			**13**	**10**	**3**					
Học kỳ 1 – Năm thứ 4										
1	ML021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		30		ML019		
2	TC100	Giáo dục thể chất 2 (*)	1		1		30			
3	CT497	Thiết kế quảng cáo truyền hình	3	3		30	30			
4	CT525	Thực tế tăng cường	3	3		30	30			
5	CT500E	Niên luận cơ sở - TTDPT	3	3			90	≥ 80 TC		
Cộng			**12**	**11**	**1**					
Học kỳ 2 – Năm thứ 4										
1	TC100	Giáo dục thể chất 3 (*)	1		1		30			
2	CT195	Thiết kế ấn phẩm báo chí	2	2		30				
3	CT528	Phát triển trò chơi đa phương tiện	3	3		30	30			
4	CT529	Quản trị dự án Truyền thông đa phương tiện	3	3		30	30			
5	CT502E	Niên luận – TTDPT	3	3			90	≥ 100 TC		
Cộng			**12**	**11**	**1**					
Học kỳ 3 – Năm thứ 4										
1	CT557E	Luận văn tốt nghiệp - TTDPT	15		15		450	≥ 125 TC		
2	CT521E	Tiểu luận tốt nghiệp - TTDPT	6				180	≥ 125 TC		
3	CT526	Triển khai ứng dụng Thương mại điện tử	3			30	30			
4	CT533	Kỹ năng biên tập	3			15	30			
5	TV333E	Xuất bản điện tử	2			15	30			
6	CT534	Thiết kế nhãn hiệu	2			15	30			
7	CT535	Tiếp thị trên mạng xã hội	3			30	30			
8	CT536	Kịch bản truyền thông	3			30	30			
9	TV319	Kinh doanh xuất bản phẩm	2			30				
10	CT537	Thực tế báo chí	2				60			
11	CT538	Kỹ năng truyền thông giao tiếp	3			30	30			

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	Học phần song hành	Ghi chú
12	CT190E	Nhập môn trí tuệ nhân tạo	2			20	20			
Cộng			**15**	**0**	**15**					
Học kỳ 1 – Năm thứ 5										
1	CT508E	Thực tập doanh nghiệp - TTDPT	5	5			150	≥ 125 TC		
Cộng			**5**	**5**	**0**					

Tổng cộng: 161 TC (Bắt buộc: 113 TC; Tự chọn: 48 TC)

Đơn vị quản lý: **Khoa Truyền thông đa phương tiện, Trường Công nghệ thông tin và truyền thông**

(https://www.cit.ctu.edu.vn; https://www.facebook.com/mmc.cit.ctu.vn)

Cần Thơ, ngày 20 tháng 8 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CNTT-TT

Nguyễn Hữu Hòa

TRƯỞNG KHOA TTĐPT

Nguyễn Nhị Gia Vinh